



CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT

TIÊU CHUẨN SỐ 10

YÊU CẦU VỀ VIỆC THIẾT LẬP KHU VỰC VÀ ĐIỂM SẢN XUẤT KHÔNG NHIỄM DỊCH HẠI (1999)

Ban Thư ký Công ước Quốc tế về Bảo vệ thực vật

© Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2012 (bản tiếng Việt)

© FAO, 1996 - 2012 (bản tiếng Anh)

Bản tiếng Việt được dịch bởi Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Lịch sử xuất bản

Đây không phải là phần chính thức của Tiêu chuẩn

1995-10 EWG xây dựng dự thảo

1996-05 CEPM-3 bổ sung nội dung về *Điểm sản xuất không nhiễm dịch hại và xem xét lại dự thảo* (1996-001)

1997-10 CEPM-4 chỉnh sửa dự thảo để gửi cho MC

1998 gửi cho MC

1999-05 CEPM-6 soát xét lại dự thảo trước khi phê duyệt

1999-10 ICPM-2 thông qua các Tiêu chuẩn

ISPM 10. 1999. *Các Yêu cầu về việc thiết lập Khu vực và vùng sản xuất không nhiễm dịch hại.* Rome, IPPC, FAO.

2010-07 Ban Thư ký IPPC Áp dụng sửa đổi Tiêu chuẩn theo ý kiến của CPM-5 (2010)

Lịch sử xuất bản: Chỉnh sửa lần cuối tháng 8, 2011

MỤC LỤC

Phạm vi áp dụng	5
Tài liệu viện dẫn	5
Thuật ngữ và định nghĩa	5
Khái quát các yêu cầu	5
1. Khái niệm về khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại	6
1.1. Việc áp dụng khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại	6
1.2. Sự khác biệt giữa khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại và một vùng không nhiễm dịch hại	7
2. Yêu cầu chung	8
2.1. Các yếu tố thiết yếu đối với khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại	8
2.1.1. Đặc điểm của khu hoặc điểm sản xuất	9
2.1.2. Năng lực hoạt động của nhà sản xuất	9
2.2. Thiết lập và duy trì các khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại	10
2.2.1. Hệ thống thiết lập tình trạng không nhiễm dịch hại	10
2.2.2. Hệ thống duy trì tình trạng không nhiễm dịch hại	11
2.2.3. Xác nhận tình trạng không nhiễm dịch hại	12
2.2.4. Nhận dạng sản phẩm và an toàn về KDTV chuyển hàng	12
2.3. Những yêu cầu của vùng đệm	12
3. Tài liệu chứng minh và soát xét	13
3.1. Hồ sơ	13
3.2. Khai báo bổ sung đối với Giấy chứng nhận KDTV	14
3.3. Cung cấp thông tin	14

Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu để thiết lập, sử dụng khu và điểm sản xuất không nhiễm dịch hại như những giải pháp quản lý nguy cơ đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu đối với thực vật, sản phẩm thực vật và những vật thể thuộc diện KDTV khác.

Tài liệu viện dẫn

- *Công ước Quốc tế về BTVT sửa đổi*, FAO, Rome, 1997.
- ISPM số 1. *Các nguyên tắc KDTV liên quan đến thương mại quốc tế*, FAO, Rome, 2006.
- ISPM số 2. *Hướng dẫn phân tích nguy cơ dịch hại*, FAO, Rome, 2007.
- ISPM số 4. *Yêu cầu để thiết lập vùng không nhiễm dịch hại*, FAO, Rome, 1996.
- ISPM số 5. *Thuật ngữ KDTV*, FAO, Rome.
- ISPM số 6. *Hướng dẫn giám sát dịch hại*, FAO, Rome, 1997.
- ISPM số 8. *Xác định tình trạng dịch hại trong một vùng*, FAO, Rome, 1998.

Thuật ngữ và đị nh nghĩa:

Định nghĩa các thuật ngữ kiểm dịch thực vật (KDTV) được nêu tại ISPM 5 (*Thuật ngữ và định nghĩa về kiểm dịch thực vật*).

Khái quát các yêu cầu

Tiêu chuẩn này sử dụng khái niệm “*không nhiễm dịch hại*” cho phép các nước xuất khẩu đảm bảo với nước nhập khẩu những thực vật, sản phẩm thực vật và vật thể thuộc diện KDTV khác không bị nhiễm một hoặc nhiều dịch hại cụ thể, đáp ứng các yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu khi nhập khẩu từ một khu sản xuất không nhiễm dịch hại. Trong những điều kiện cụ thể, nơi một phần xác định của khu sản xuất được quản lý riêng biệt và được duy trì tình trạng *không nhiễm dịch hại* thì có thể coi đó là một khu sản xuất không nhiễm dịch hại. Việc sử dụng những khu sản xuất hoặc khu sản xuất không nhiễm dịch hại phụ thuộc vào việc sử dụng tiêu

chuẩn liên quan đến đặc điểm sinh học của dịch hại, đặc điểm của khu sản xuất, năng lực thực hiện của người sản xuất và những yêu cầu, trách nhiệm của NPPO.

Yêu cầu cho việc thiết lập và duy trì một khu sản xuất hoặc một khu sản xuất không nhiễm dịch hại là một biện pháp KDTV của NPPO bao gồm:

- Hệ thống thiết lập tình trạng không nhiễm dịch hại;
- Hệ thống duy trì tình trạng không nhiễm dịch hại;
- Việc xác định tình trạng không nhiễm dịch hại đã được thực hiện hoặc duy trì;
- Tính đồng nhất của sản phẩm, nguyên vẹn của chuyến hàng và giám sát về KDTV.

Khi nơi cần thiết, một khu sản xuất hoặc một điểm sản xuất không nhiễm dịch hại bao gồm cả việc thiết lập và duy trì một vùng đệm phù hợp.

Các hoạt động hành chính đòi hỏi để hỗ trợ một khu sản xuất hoặc một khu sản xuất không nhiễm dịch hại gồm tài liệu chứng minh của hệ thống và việc duy trì đầy đủ hồ sơ liên quan đến các biện pháp đã được thực hiện. Các quy trình rà soát và kiểm tra được NPPO thực hiện là cần thiết để bảo đảm sự không nhiễm dịch hại cho việc đánh giá hệ thống. Những thoả thuận hoặc hiệp định song phương cũng có thể cần thiết.

1. Khái niệm về khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại

1.1. Việc áp dụng khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại

Một *khu sản xuất không nhiễm dịch hại* là “Khu sản xuất được chứng minh bằng chứng cứ khoa học về sự không có mặt của một dịch hại cụ thể và ở đó các điều kiện này sẽ được duy trì cho một giai đoạn nhất định”. Việc áp dụng này cung cấp điều kiện cho nước xuất khẩu nếu nước nhập khẩu yêu cầu, đảm bảo rằng chuyến hàng thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể thuộc diện KDTV khác được sản xuất hoặc vận chuyển từ nơi không nhiễm dịch hại cần quan tâm, bởi vì dịch hại được chứng minh không có mặt ở khu đó trong một khoảng thời gian nhất định. Tình trạng không nhiễm dịch hại được thiết lập bằng cách điều tra hoặc kiểm tra mùa vụ gieo trồng và cần được duy trì bằng các hệ thống khác để ngăn chặn sự xâm nhập của dịch hại vào khu sản xuất. Các hoạt động được minh chứng bằng tài liệu phù hợp.

Tùy thuộc vào dịch hại cần quan tâm, điều kiện từng vùng và mức nguy cơ có thể chấp nhận đối với nước nhập khẩu, một mức độ giám sát đầy đủ có thể đạt được bởi mức độ khác nhau của các biện pháp, hàng loạt các biện pháp từ việc chỉ kiểm tra mùa vụ gieo trồng trong năm xuất khẩu cho tới hệ thống điều tra phức tạp và các quy trình hỗ trợ được duy trì qua nhiều năm.

Khái niệm khu sản xuất không nhiễm dịch hại có thể được áp dụng đối với cơ sở sản xuất hoặc đồng ruộng hoạt động như một đơn vị sản xuất độc lập. Người sản xuất áp dụng các biện pháp yêu cầu đối với toàn bộ khu sản xuất.

Nơi mà một phần xác định của khu sản xuất có thể được quản lý như một đơn vị riêng rẽ trong phạm vi một khu sản xuất, có thể duy trì điểm đó không nhiễm dịch hại. Trong những trường hợp như vậy, khu sản xuất được coi là bao gồm một điểm sản xuất không nhiễm dịch hại.

Khi mà đặc điểm sinh học của dịch hại khiến chúng có khả năng xâm nhập vào khu sản xuất hoặc điểm sản xuất từ các vùng lân cận thì cần thiết phải xác định một vùng đệm xung quanh khu sản xuất hoặc điểm sản xuất và ở đó các biện pháp KDTV phù hợp được áp dụng. Phạm vi của vùng đệm và tính chất của các biện pháp KDTV sẽ phụ thuộc vào đặc điểm sinh học của dịch hại và đặc điểm thực tế của khu sản xuất hoặc điểm sản xuất.

1.2. Sự khác biệt giữa khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại và một vùng không nhiễm dịch hại

Khái niệm khu sản xuất không nhiễm dịch hại khác với khái niệm vùng không nhiễm dịch hại (xem ISPM 4:1995). Vùng không nhiễm dịch hại có mục đích giống như khu sản xuất không nhiễm dịch hại nhưng được thực hiện theo phương thức khác nhau. Mọi sự khác biệt giữa khu sản xuất không nhiễm dịch hại và vùng không nhiễm dịch hại có thể áp dụng tương tự đối với điểm sản xuất không nhiễm dịch hại.

Vùng không nhiễm dịch hại rộng hơn nhiều so với khu sản xuất không nhiễm dịch hại. Vùng bao gồm nhiều khu sản xuất và có thể là cả một quốc gia hoặc các phần lãnh thổ của nhiều quốc gia. Vùng không nhiễm dịch hại có thể được cách ly bằng hàng rào tự nhiên hoặc một vùng đệm rộng lớn thích hợp. Khu sản xuất không nhiễm dịch hại có thể nằm trong một vùng mà ở đó dịch hại cần quan tâm phổ biến và bị cách ly, nếu cần có thể tạo ra một vùng đệm tại vùng phụ cận liền kề. Vùng không nhiễm dịch hại được duy trì nhiều năm liên tục, trừ khi tình trạng của một khu sản xuất không nhiễm dịch hại chỉ được duy trì một hoặc vài vụ gieo trồng.

Vùng không nhiễm dịch hại được NPPO của nước xuất khẩu quản lý. Khu sản xuất không nhiễm dịch hại phải do người sản xuất quản lý một cách riêng rẽ dưới sự giám sát và trách nhiệm của NPPO. Nếu dịch hại bị phát hiện trong một vùng không nhiễm dịch hại thì tình trạng của toàn bộ vùng cần phải xem xét.

Nếu dịch hại bị phát hiện trong một khu sản xuất không nhiễm dịch hại thì nơi đó không còn là khu không nhiễm dịch hại, tuy nhiên những khu sản xuất khác trong vùng đang áp dụng cùng hệ thống không bị ảnh hưởng trực tiếp. Những khác biệt này có thể không áp dụng thường xuyên trong những trường hợp cụ thể. Khu sản xuất nằm trong vùng không nhiễm dịch hại có thể đáp ứng quy định nhưng nước nhập khẩu vẫn có thể đòi hỏi xác minh những yêu cầu đối với khu sản xuất không nhiễm dịch hại.

Việc lựa chọn khu sản xuất hoặc vùng không nhiễm dịch hại như một giải pháp quản lý sẽ phụ thuộc vào sự phân bố thực tế của dịch hại cần quan tâm tại nước xuất khẩu, đặc điểm của dịch hại và sự xem xét hành chính. Cả hai hệ thống có thể tạo ra sự giám sát đầy đủ về KDTV: việc giám sát chủ yếu của vùng không nhiễm dịch hại nằm trong việc áp dụng các biện pháp thông thường đối với một vùng có nhiều khu sản xuất; việc giám sát chủ yếu của khu sản xuất không nhiễm dịch hại nảy sinh từ thực tế mà các quy trình quản lý, điều tra, kiểm tra được áp dụng một cách cụ thể và đầy đủ đối với các khu không nhiễm dịch hại.

2. Yêu cầu chung

2.1. Các yếu tố thiết yếu đối với khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại

Khả năng đảm bảo cho một khu hoặc một điểm sản xuất không nhiễm dịch hại phụ thuộc vào:

- Đặc điểm dịch hại;
- Đặc điểm của khu sản xuất hoặc điểm sản xuất;
- Năng lực hoạt động của nhà sản xuất;
- Yêu cầu và trách nhiệm của NPPO.

2.1.1. Những đặc điểm của dịch hại

Một khu hoặc một điểm sản xuất có thể được công bố không nhiễm một loài dịch hại cụ thể ở mức độ giám sát đầy đủ nếu đặc điểm của dịch hại là phù hợp cho công bố này. Đặc điểm phù hợp có thể bao gồm:

- Sự lan rộng tự nhiên của dịch hại (hoặc môi giới của nó) chậm và có khoảng cách ngắn;
- Khả năng lây lan nhân tạo của dịch hại bị hạn chế;
- Dịch hại có phổ ký chủ hẹp;
- Dịch hại có khả năng sống sót tương đối thấp từ vụ trước;
- Dịch hại có tốc độ sinh sản trung bình và thấp;
- Có sẵn các phương pháp phát hiện dịch hại thích hợp, có thể kiểm tra bằng trực quan hoặc bằng các thử nghiệm đồng ruộng hay trong phòng thí nghiệm vào mùa vụ thích hợp;
- Các yếu tố sinh học của dịch hại (ví dụ: tiềm ẩn bệnh) và việc quản lý khu sản xuất không ngăn cản việc phát hiện dịch hại;
- Có sẵn các biện pháp thực tiễn và hiệu quả đối với việc kiểm soát và quản lý dịch hại là một thuận lợi trong việc thiết lập và duy trì một khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại.

2.1.2. Đặc điểm của khu hoặc điểm sản xuất

Định nghĩa cơ bản của *khu sản xuất* phải được thoả mãn (ví dụ: hoạt động như một đơn vị trang trại hoặc sản xuất độc lập). Tùy thuộc vào dịch hại cần quan tâm và điều kiện vùng, khu sản xuất và điểm sản xuất cũng như vùng đệm có thể yêu cầu một số đặc điểm bổ sung sau đây:

- Vị trí ở một khoảng cách an toàn từ nguồn nhiễm dịch hại có thể, với sự cách ly phù hợp (vận dụng lợi thế của các đặc điểm tự nhiên mà có thể tác động như rào cản đối với sự di chuyển của dịch hại);
- Giới hạn rõ ràng với các ranh giới được công nhận chính thức;
- Tiếp cận vùng đệm (nếu phù hợp);
- Không có ký chủ của dịch hại trong khu hoặc điểm sản xuất trừ việc đáp ứng các điều kiện cho xuất khẩu;
- Không có ký chủ của dịch hại trong vùng đệm (nếu thích hợp) hoặc sự kiểm soát đầy đủ đối với dịch hại trên các ký chủ này.

2.1.3. Năng lực hoạt động của nhà sản xuất

Nhà sản xuất phải có năng lực hoạt động, kỹ thuật và quản lý nhất định và

được NPPO công nhận có đủ năng lực để ngăn chặn dịch hại xâm nhập vào khu sản xuất hoặc điểm sản xuất và duy trì tình trạng không nhiễm dịch hại bằng việc áp dụng các biện pháp KDTV thích hợp. Nhà sản xuất hoặc NPPO cũng phải có khả năng áp dụng các biện pháp KDTV phù hợp trong vùng đệm nếu cần thiết.

2.1.4. Yêu cầu và trách nhiệm của NPPO

NPPO cần xác định những yêu cầu cụ thể mà nhà sản xuất phải đáp ứng để công bố một khu sản xuất hoặc một điểm sản xuất không nhiễm dịch hại, đưa ra mức độ yêu cầu giám sát KDTV. NPPO chịu trách nhiệm điều tra, kiểm tra và cùng các tổ chức khác xác minh tình trạng không nhiễm dịch hại. Đối với bất kỳ ký chủ và dịch hại xác định nào thì hệ thống quản lý yêu cầu phải được phổ cập rộng rãi và được sử dụng ở mỗi quốc gia. Ở những nơi phù hợp, NPPO có thể đào tạo hệ thống quản lý này. NPPO phải kiểm tra các quy định của nước nhập khẩu hoặc xây dựng các điều kiện song phương để đảm bảo việc tuân thủ thực hiện được.

2.2. Thiết lập và duy trì các khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại

Có bốn phần chính mà NPPO phải xem xét để thiết lập và duy trì khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại, bao gồm:

- Hệ thống thiết lập tình trạng không nhiễm dịch hại;
- Hệ thống duy trì tình trạng không nhiễm dịch hại;
- Xác minh tình trạng không nhiễm dịch hại được thực hiện hoặc duy trì;
- Nhận dạng của sản phẩm an toàn về KDTV của chuyên hàng.

2.2.1. Hệ thống thiết lập tình trạng không nhiễm dịch hại

NPPO phải xác định các điều kiện để nhà sản xuất tuân thủ, cho phép khu sản xuất hoặc điểm sản xuất được công bố tình trạng không nhiễm dịch hại ngay sau đó. Những yêu cầu này sẽ liên quan tới đặc điểm của khu hoặc điểm sản xuất (và vùng đệm, nếu phù hợp) và năng lực hoạt động của người sản xuất. Những Hiệp định chính thức có thể được yêu cầu giữa nhà sản xuất (hoặc tổ chức của họ) và NPPO để đảm bảo các biện pháp cụ thể đã được thực hiện.

Trong một số trường hợp, NPPO có thể yêu cầu tình trạng không nhiễm dịch hại phải được xác nhận bằng việc điều tra chính thức trong một hoặc

nhiều năm trước thời điểm nơi chuyển hàng được chứng nhận xuất khẩu. Phương pháp sử dụng để xác minh tình trạng không nhiễm dịch hại theo phương thức này có thể giống hoặc khác nhau và được sử dụng cho việc xác nhận không nhiễm dịch hại trong năm xuất khẩu (xem mục 2.2.3). Trong nhiều trường hợp khác, NPPO có thể chỉ quy định sự không nhiễm dịch hại được xác nhận trong năm sản xuất. Trong mọi trường hợp, mục tiêu của NPPO và người sản xuất sẽ là duy trì thường xuyên tình trạng không nhiễm dịch hại của một khu sản xuất hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại liên tục trong nhiều năm. Cần có quy định cụ thể cho việc bãi bỏ tình trạng không nhiễm dịch hại nếu dịch hại bị phát hiện trong khu sản xuất, điểm sản xuất hoặc một vùng đệm không nhiễm dịch hại và cho việc tái thiết lập, xác nhận tình trạng không nhiễm dịch hại, kể cả việc điều tra nguyên nhân và xem xét các biện pháp ngăn chặn thất bại có thể xảy ra.

Trong trường hợp nơi mà khu hoặc những điểm sản xuất không nhiễm dịch hại được thiết lập, điều tra khoanh vùng có thể được sử dụng để xác định phạm vi của nơi đó.

2.2.2. Hệ thống duy trì tình trạng không nhiễm dịch hại

NPPO phải quy định các biện pháp cụ thể áp dụng đối với khu hoặc điểm sản xuất (và vùng đệm nếu phù hợp) trước hoặc trong thời vụ gieo trồng và có trách nhiệm giám sát chung đối với khu hoặc điểm sản xuất để đảm bảo những yêu cầu đó được thực hiện. Mục đích nhằm ngăn chặn sự du nhập của dịch hại vào khu hoặc điểm sản xuất hoặc tiêu huỷ tình trạng nhiễm dịch hại trước đây không phát hiện thấy.

Các biện pháp này có thể bao gồm:

- Các biện pháp phòng ngừa (ví dụ: nguyên liệu làm giống không nhiễm dịch hại, loại bỏ các ký chủ khác);
- Các biện pháp ngăn chặn (ví dụ: không phát hiện thấy các rào cản tự nhiên, sàng lọc, quản lý về trang thiết bị, máy móc, cây trồng, đất và môi trường nuôi cấy);
- Các biện pháp kiểm soát dịch hại (ví dụ: các phương pháp canh tác, xử lý và giống kháng).

Yêu cầu đối với người sản xuất:

- Thông báo sự nghi ngờ hoặc xuất hiện của dịch hại cho NPPO;

- Duy trì các hồ sơ liên quan đến việc canh tác và quy trình kiểm soát dịch hại định kỳ do NPPO quy định.

2.2.3. Xác nhận tình trạng không nhiễm dịch hại

Cán bộ của NPPO hoặc những người được NPPO ủy quyền thực hiện việc xác nhận tình trạng không nhiễm dịch hại đảm nhiệm việc điều tra chi tiết để đánh giá thực trạng không nhiễm dịch hại của khu sản xuất hoặc điểm sản xuất (và vùng đệm nếu có yêu cầu). Việc điều tra này thường áp dụng hình thức kiểm tra đồng ruộng (kiểm tra theo mùa vụ gieo trồng), nhưng cũng có thể bao gồm các phương pháp phát hiện khác (lấy mẫu phân tích giám định trong phòng thí nghiệm, bẫy, kiểm tra dịch hại trong đất, vv...).

Tình trạng không nhiễm dịch hại có thể được xác nhận bằng số liệu đã công bố hoặc tần suất kiểm tra, thử nghiệm (ví dụ: kiểm tra 3 lần mỗi tháng). Việc kiểm tra hoặc những thủ tục khác có thể liên quan đến một mùa gieo trồng hoặc có thể được yêu cầu qua nhiều vụ. Việc kiểm tra hoặc thử nghiệm đối với hàng hóa đã thu hoạch có thể được quy định tại khu sản xuất hoặc điểm sản xuất. Tình trạng không nhiễm dịch hại qua một số năm có thể được quy định và có thể cấm gieo trồng cây trồng ở khu sản xuất từ những năm trước đây.

Quy trình xác nhận phải căn cứ vào kế hoạch liên quan đến sự phân chia khu sản xuất thành những mảnh đất nhỏ riêng lẻ, và có thể theo dịch hại và các triệu chứng của nó, có thể được thực hiện bằng việc đánh giá tổng thể hoặc lấy mẫu. Sự phổ biến của dịch hại trong vùng xung quanh khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại có thể ảnh hưởng đến số lần điều tra được yêu cầu.

2.2.4. Nhận dạng sản phẩm và an toàn về KDTV chuyển hàng

Các biện pháp xác nhận có thể cần thiết nhằm duy trì đặc điểm nhận dạng của sản phẩm (dán nhãn đảm bảo việc theo dõi đối với khu sản xuất không nhiễm dịch hại) và sự nguyên vẹn của chuyển hàng. Tình trạng không nhiễm dịch hại của sản phẩm phải được duy trì sau thu hoạch.

2.3. Những yêu cầu của vùng đệm

Trong trường hợp thích hợp, việc thiết lập và duy trì một khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại bao gồm các quy trình liên quan đến vùng đệm phù hợp với khu hoặc điểm sản xuất.

Phạm vi vùng đệm phải được NPPO xác định, trên cơ sở khoảng cách mà dịch hại có khả năng lan rộng tự nhiên trong mùa vụ gieo trồng. Việc điều tra giám sát phải được tiến hành thường xuyên qua một hoặc nhiều vụ gieo

trồng. Căn cứ theo yêu cầu của NPPO, các hoạt động sẽ được thực hiện nếu dịch hại bị phát hiện trong vùng đệm. Tình trạng không nhiễm dịch hại của khu hoặc điểm sản xuất có thể được bãi bỏ hoặc các biện pháp quản lý thích hợp có thể được yêu cầu trong vùng đệm. Trong mọi trường hợp, việc mở rộng điều tra hoặc biện pháp kiểm soát phải được kiểm tra trước. Nếu phù hợp thì các quy trình đầy đủ có thể được thiết lập để bảo đảm rằng tình trạng không nhiễm dịch hại vẫn được duy trì (báo cáo/ thông báo vùng và thông tin đại chúng, quy định vùng, kiểm soát/ sự loại bỏ dịch hại bị phát hiện).

3. Tài liệu chứng minh và soát xét

Những biện pháp được áp dụng để thiết lập và duy trì khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại, bao gồm cả việc áp dụng các biện pháp này trong vùng đệm, nếu phù hợp thì phải được chứng minh đầy đủ bằng tài liệu và soát xét định kỳ. NPPO phải xây dựng các quy trình cho việc kiểm tra hồ sơ, soát xét và đánh giá hệ thống.

3.1. Hồ sơ

Tài liệu chứng minh phải có sẵn, hệ thống hành chính được NPPO áp dụng để thiết lập những khu và điểm sản xuất không nhiễm dịch hại nói chung và liên quan đến những dịch hại cần quan tâm cụ thể. Điều này bao gồm những chi tiết của hệ thống giám sát được áp dụng (kiểm tra, điều tra và giám sát), của quy trình đối với việc đối phó với sự có mặt của dịch hại và của quy trình bảo đảm đặc điểm nhận dạng và an toàn về KDTV của chuyển hàng.

Tài liệu chứng minh phải sẵn sàng, hoạt động cụ thể được áp dụng tại một khu, điểm sản xuất và bất kỳ vùng đệm nào liên quan tới việc phê chuẩn tình trạng không có dịch hại đối với một mùa vụ gieo trồng cụ thể, bao gồm những kết quả điều tra và những hồ sơ quản lý dịch hại (ví dụ: phương thức và ngày xử lý KDTV, sử dụng giống kháng).

Thủ tục bãi bỏ và phục hồi tình trạng không nhiễm dịch hại phải được minh chứng bằng hồ sơ.

Khi các biện pháp phức tạp cần thiết để thiết lập và duy trì một khu hoặc một điểm sản xuất không nhiễm dịch hại, bởi vì dịch hại cần quan tâm yêu cầu một mức độ giám sát KDTV cao thì cần phải có một kế hoạch hoạt động. Khi phù hợp, kế hoạch như vậy sẽ căn cứ vào các hiệp định hoặc thoả thuận song phương liệt kê những chi tiết cụ thể yêu cầu trong hoạt

động của hệ thống bao gồm cả vai trò, trách nhiệm của nhà sản xuất và kinh doanh có liên quan.

3.2. Khai báo bổ sung đối với giấy chứng nhận KDTV

NPPO cấp giấy chứng nhận KDTV cho chuyến hàng, khẳng định rằng những yêu cầu đối với khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại đã được thực hiện đầy đủ. Nước nhập khẩu có thể yêu cầu khai báo bổ sung phù hợp trong giấy chứng nhận KDTV.

3.3. Cung cấp thông tin

NPPO của nước xuất khẩu phải cung cấp tài liệu chứng minh hợp lý cho việc thiết lập và duy trì các khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại để cung cấp cho NPPO của nước nhập khẩu khi có yêu cầu. Trong trường hợp Hiệp định hoặc Thỏa thuận song phương đã được ký kết, NPPO của nước xuất khẩu phải nhanh chóng cung cấp thông tin liên quan đến việc thiết lập hoặc bãi bỏ những khu hoặc điểm sản xuất không nhiễm dịch hại cho NPPO của nước nhập khẩu.